TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2024
V*/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên; bà Phạm Thị Thà.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 364/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 411/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1993;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người được nguyên đơn quyền giao nhận văn bản: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số B, khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1992;

ĐKHKTT: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Philippines.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn anh Đoàn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 07/3/2014 tại UBND xã K (nay là xã K), huyện K, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương và ở cùng bố mẹ đẻ anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2017 anh đi xuất lao động ở Đài Loan, thời gian đầu mới đi vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc và không có mâu thuẫn gì, từ năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do sống xa nhau, thiếu sự tin tưởng, quan tâm đến nhau. Năm 2023 anh về nước nhưng anh chị không khắc phục được mâu thuẫn, sau đó chị Q sang Philippines lao động. Kể từ khi sang đó chị Q không liên lạc về cho anh, anh không rõ địa chỉ cụ thể của chị Q. Nay anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị Q đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q. Về nơi cư trú cuối cùng của chị Q trước khi xuất cảnh: Sau khi kết hôn chị Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại V, T, G, Hải Dương. Trong thời gian anh đi lao động ở Đài Loan chị Q tự ý chuyển hộ khẩu thường trú về nhà bố mẹ đẻ ở Xóm M, K, K, Hòa Bình tuy nhiên chị Q vẫn sinh sống ở V, T, G, Hải Dương sau đó sang Philippines đến nay chưa về nước.

Về con chung: Anh và chị Q có 01 con chung là Đoàn Minh Châu Thảo N, sinh ngày 04/9/2014, hiện nay con chung đang ở với anh, anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng ông Bùi Văn T1 trình bày: Ông là bố đẻ chị Bùi Thị Q. Chị Q hiện đang lao động ở Philippines. Chị Q vẫn gọi điện về cho ông nhưng không nói cho ông biết địa chỉ cụ thể nên ông không cung cấp cho Tòa án được. Từ sau khi kết hôn với anh T đến trước khi sang nước ngoài lao động chị Q vẫn sinh sống ở V, T, G, Hải Dương. Chị Q, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Q ở cùng với bố mẹ đẻ anh T. Năm 2017 anh T đi lao động ở Đài Loan, còn chị Q vẫn ở nhà nuôi con, tuy nhiên do vợ chồng sống xa nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Năm 2023 anh T về nước nhưng hai người không khắc phục được mâu thuẫn nên sau đó một thời gian chị Q sang Philippines lao động đến nay vẫn chưa về. Về con chung: chị Q, anh T có một con chung là Đoàn Minh Châu Thảo N, sinh ngày 04/9/2014 hiện nay cháu đang

ở cùng với anh T. Tòa án giao cho ông các văn bản tố tụng, ông nhận thay cho chị Q và đã thông báo cho chị Q biết, chị Q đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và nhất trí ly hôn và giải quyết về con chung theo quan điểm của anh T

Cháu Đoàn Minh Châu Thảo N trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bố là Đoàn Văn T.

Theo xác minh tại Cục Q1: Chị Bùi Thị Q xuất cảnh lần gần nhất ngày 09/01/2023 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Theo cung cấp của ông Nguyễn Hữu B - Trưởng thôn Vô Lượng, Thống N1, G, Hải Dương xác định: Trước khi chị Q đi nước ngoài (trước năm 2023) chị Q sinh sống ở thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho anh Đoàn Văn T ly hôn chị Bùi Thị Q; Về con chung: Giao con chung là Đoàn Minh Châu Thảo N cho anh Trung trực T2 nuôi dưỡng. Về án phí: anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Bùi Thị Q có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại Vô Lượng, T, G, Hải Dương hiện đang làm việc, sinh sống tại Philippines. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn anh Đoàn Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị Bùi Thị Q đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn

phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Văn T, chị Bùi Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn 19/3/2014 tại UBND xã K (nay là xã K), huyện K, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp. Anh T trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Q. Chị Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Ông T1 là bố đẻ của chị Q trình bày về mâu thuẫn của anh T, chị Q phù hợp trình bày của anh T và xác định ông đã thông báo cho chị Q về các văn bản tố tụng của Tòa án, chị Q không về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó đủ cơ sở xác định quá trình anh T, chị Q chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau, không có sự quan tâm, tin tưởng nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị Q.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh T, chị Q có một con chung là Đoàn Minh Châu Thảo N, sinh ngày 04/9/2014. Anh T xin được nuôi con, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy hiện con chung đang ở với anh T, anh T đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng con. Cháu Thảo N đã trên 7 tuổi trình bày nguyện vọng xin được ở với bố. Chị Q hiện đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Do đó đề nghị của anh T về nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao con chung Đoàn Minh Châu Thảo N cho anh Trung trực T2 nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn T, xử cho anh Đoàn Văn T ly hôn chị Bùi Thị Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Đoàn Minh Châu Thảo N, sinh ngày 04/9/2014 cho anh Đoàn Văn Trung trực T2 nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Bùi Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T không yêu cầu và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Anh Đoàn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000831 ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Thanh H nộp thay).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, huyện K, tỉnh Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy